

Bản án số: **189/2018/HS-PT**
Ngày: 07/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**
Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2018/TLPT-HS ngày 26/9/2018 đối với bị cáo **Đỗ Hữu Thiện V** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Hữu Thiện V (V Định), sinh năm 1980 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Tổ 66, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: K03A/01 đường E, phường C, quận B, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông **Đỗ Hữu Đ** và bà **Trương Thị B**; Có vợ là **Phạm Thị Ngọc Mỹ N** (đã ly hôn) và 01 con chung sinh năm 2002; chung sống như vợ chồng với **Nguyễn Thị Phương C**, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; chung sống như vợ chồng với **Lý Ngọc Diệu P** và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Năm 1999 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 37 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản công dân”

- Năm 2003 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Quảng Nam Đà Nẵng xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

- Năm 2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/10/2016. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Luật sư **Phạm Xuân Tích** – Đoàn luật sư Tp. Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo và gia đình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 19/10/2016 tại phòng trọ số K03A/01 đường E, phường C, quận B, TP.Đà Nẵng; Phòng CSĐTTP về ma túy CATP Đà Nẵng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Đỗ Hữu Thiện V.

Tang vật thu giữ gồm có :

- 02 (hai) gói nilon màu trắng: một gói có kích thước khoảng 03cm x 06cm bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng, một gói không rõ hình dạng bên trong có chứa các tinh thể rắn màu trắng, theo V khai đó là ma túy tổng hợp dạng đá. Được bỏ vào phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật. Ký hiệu là **A**

- 01 (một) CMND số 201421819 cấp cho Đỗ Hữu Thiện V

- 01 (một) ĐTDĐ màu trắng có dòng chữ Iphone có sim 0905983535, số Imel: 012545004970869

- 03 (ba) cây kiếm

- 01 (một) cây mã tấu

- 39.700.000đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng)

Theo kết luận giám định số 464/GĐ-MT ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

Đối tượng gửi giám định ký hiệu **A** có chất ma túy, loại METHAMPHETAMINE, METHAMPHETAMINE là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ, trọng lượng mẫu A: **1,160 gam**

Quá trình điều tra, Đỗ Hữu Thiện V khai, V nghiện ma túy đá, nên vào khoảng ngày 15/10/2016 và 17/10/2016 V điện thoại cho một người tên cu Trắng (chưa xác định được lai lịch) hỏi mua lần lượt 500.000 đồng và 1.500.000 đồng ma túy đá, Trắng đều giao ma túy cho V tại khu vực cầu Mân Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, V đem hai gói ma túy về phòng trọ cất giữ, sau khi sử dụng hết một lượng ma túy đã mua về, đến 00 giờ 05 phút ngày 19/10/2016 thì V bị Phòng Cảnh sát ĐTTP về ma túy CATP Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tạm giữ toàn bộ số ma túy nói trên.

Ngoài ra, qua điều tra, có 4 đối tượng khai đã mua ma túy của Đỗ Hữu Thiện V, gồm:

1/ **Lê Văn Q** (tên gọi khác: Cu Le, SN: 1985, HKTT: Tổ 9 phường B 1, quận B, TP. Đà Nẵng) khai đã mua ma túy tổng hợp (hàng đá) của Đỗ Hữu Thiện V được 3 lần để sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 09 giờ ngày 04/10/2016 Q đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 150.000 đồng tại phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng;

Lần 2: Vào một ngày sau ngày 04/10/2016 khoảng từ năm đến bảy ngày, Q đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 100.000 đồng tại phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng.

Lần 3: Vào khoảng 02 giờ ngày 18/10/2016 Q đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 300.000 đồng tại phòng trọ của V tại K03A/01 E, Đà Nẵng

2/ **Phạm Minh N** (tên gọi khác: Trọc, SN: 1997, HKTT: Tổ 87 phường F, quận B, TP.Đà Nẵng) khai, vào buổi tối một ngày trước ngày 18/10/2016 khoảng từ 5 đến 7 ngày, Nghĩa đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 500.000 đồng tại phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng để sử dụng.

3/ **Cù Vi T** (tên gọi khác: Ròm, SN: 1993, HKTT: Tổ 42 phường G, quận B, TP.Đà Nẵng) khai đã mua ma túy tổng hợp (hàng đá) của Đỗ Hữu Thiện V được 2 lần để sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 19 giờ ngày 16/10/2016 T đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 300.000 đồng tại trước phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng.

Lần 2: Vào khoảng 21 giờ ngày 17/10/2016 T đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 300.000 đồng tại trước phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng.

4/ **Lê Anh D** (SN:1993, HKTT: Tổ 7 phường K, quận H, TP Đà Nẵng) khai đã mua ma túy tổng hợp (hàng đá) của Đỗ Hữu Thiện V được 3 lần để sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 19 giờ ngày 28/09/2016 D đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 1.000.000 đồng tại một quán cà phê tại ngã ba Thái Phiên – Hoàng Diệu, Đà Nẵng.

Lần 2: Vào khoảng 19 giờ ngày 04/10/2016 D đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 1.500.000 đồng tại phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng.

Lần 3: Vào khoảng 17 giờ ngày 08/10/2016 D đã mua của V 1 gói ma túy đá giá 2.500.000 đồng tại phòng trọ của V tại K03A/01 đường E, Đà Nẵng.

Trong quá trình điều tra Lê Anh D thay đổi lời khai, không thừa nhận có mua ma túy của Đỗ Hữu Thiện V

Riêng V khai không thừa nhận bán ma túy cho những người nói trên, trong số đó V chỉ quen biết với Lê Văn Q, và chỉ sử dụng chung ma túy đá với Q được 2 lần.

Tại Bản án sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã quyết định:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Đỗ Hữu Thiện V 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 19/10/2016.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 30/8/2018, bị cáo Đỗ Hữu Thiện V có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án số 52/2018/HS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, cho rằng không mua bán trái phép chất ma túy mà chỉ tàng trữ ma túy để sử dụng nên đề nghị xem xét theo trình tự phúc thẩm, giải oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Hữu Thiện V theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo. Xét về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy ngày 19/10/2016, bị cáo bị bắt quả tang có hành vi tàng trữ 1,160 gam ma túy tổng hợp

có thành phần Methamphetamine tại phòng trọ số K03A/01 đường E, thành phố Đà Nẵng. Quá trình điều tra các đối tượng Phạm Minh N, Lê Văn Q, Lê Anh D, Cù Vi T khai nhận nhiều lần mua ma túy của V để sử dụng nên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã xét xử bị cáo Đỗ Hữu Thiện V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Việc bị cáo kháng cáo kêu oan, chỉ thừa nhận tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là không có căn cứ, tài liệu điều tra có tại hồ sơ là hợp pháp; việc bị cáo cho rằng cơ quan điều tra có dấu hiệu dàn dựng lời khai của các đối tượng nghiện là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo V bị bắt giữ khoảng 22h30’ đến 23h ngày 18/10/2016, lúc này điện thoại của bị cáo đã bị thu giữ\ niêm phong; đến 0h10’ ngày 19/10/2016 mới lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng là số lượng ma túy đá mà bị cáo khai nhận mua về tàng trữ để sử dụng; tuy nhiên trong khoảng thời gian từ 22h30’ ngày 18/10/2016 đến sau thời điểm 0h10’ ngày 19/10/2016 thì điện thoại của bị cáo vẫn hoạt động, vẫn gọi đi, nhận tin và nhận cuộc gọi đến; các thời điểm này trùng khớp với thời gian các đối tượng nghiện là Q, D, T, N bị bắt giữ, thử test và cung cấp lời khai, nhận dạng cho cơ quan điều tra; lời khai của các đối tượng nghiện khai mua ma túy của bị cáo là không khách quan; quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã yêu cầu được đối chất với những người này nhưng cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không chấp nhận; cả 4 đối tượng trên và Lý Ngọc Diệu P đều thay đổi lời khai phủ nhận các lời khai trước đó tại cơ quan điều tra. Do vậy, luật sư cho rằng các tài liệu chứng cứ thu thập được để kết luận bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không khách quan, chưa có cơ sở vững chắc mà chỉ có căn cứ để kết luận bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng mà thôi nên luật sư đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện.

Bị cáo Đỗ Hữu Thiện V vẫn giữ nguyên kháng cáo theo đơn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo cho bị cáo cũng như luận cứ bào chữa của luật sư đề xét xử công bằng, khách quan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Mặc dù quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Đỗ Hữu Thiện V không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà chỉ thừa nhận số ma túy mà cơ quan điều tra thu giữ là do bị cáo mua về để sử dụng nên chỉ nhận tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; nhưng căn cứ vào tang vật thu giữ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Ngọc Diệu P (người chung sống như vợ chồng với bị cáo) tại bản tường trình và biên bản ghi lời khai lúc 03h ngày 19/10/2016 thể hiện nội dung: *...trong quá trình chung sống tôi biết anh V có sử*

dùng ma túy, có vài lần anh V ra ngoài nên nhờ tôi ở nhà nhận tiền từ những người thanh niên mà tôi không biết tên..., tôi nghĩ là V lấy giùm ma túy cho những người khác...nhiều lần tôi thấy có người điện thoại cho V rồi V đi ra ngoài một lúc rồi về lại, tôi hỏi thì V nói ra ngoài “lấy đồ” cho mấy thằng ku, tôi có thấy V chia nhỏ số ma túy mua về bằng cách bỏ vào bao ni lông và hơ lửa...tôi biết V mua ma túy của bé O 2 lần và của một người thanh niên mà tôi không biết tên...; căn cứ vào các bản tường thuật, biên bản ghi lời khai, biên bản nhận dạng của Lê Văn Q (Cu Le) thể hiện nội dung: *đã từng mua ma túy của V 3 lần*; lời khai của Cù Vi T thể hiện nội dung: *đã từng mua ma túy của V 2 lần*; lời khai của Phạm Minh N thể hiện nội dung: *đã từng mua ma túy của V 01 lần*; lời khai của Lê Văn D thể hiện nội dung: *đã từng mua ma túy của V 3 lần*; lời khai của các đối tượng nghiện ma túy này đều trùng khớp về địa chỉ nhà trọ của V trên đường E, 2 lần nhận dạng chính xác V là người bán ma túy cho họ; trích xuất lịch sử cuộc gọi điện thoại di động của các đối tượng này đều thể hiện có nhiều lần gọi qua lại với số điện thoại mà V sử dụng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có biết các đối tượng Lê Văn Q, Phạm Minh N và Lê Anh D và xác nhận không có mâu thuẫn gì với các đối tượng này...Mặc dù, các đối tượng Lý Ngọc Diệu P, Lê Văn D có thay đổi lời khai trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; các đối tượng Phạm Văn N, Lê Văn Q thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm cho rằng không mua ma túy của V nhưng HĐXX thấy rằng: các tài liệu chứng cứ điều tra có tại hồ sơ vụ án đều được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra không có bất kỳ ai khiếu nại hay tố cáo gì đối với hoạt động điều tra của điều tra viên cũng như kiểm sát viên; việc thay đổi lời khai của các đối tượng trên là không có cơ sở, lý do thay đổi lời khai như: *tinh thần hoảng loạn, bị ngáo đá*; bị cáo cho rằng cơ quan điều tra có dấu hiệu dàn dựng lời khai của các đối tượng nghiện...đều không có căn cứ pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận việc thay đổi lời khai này.

Từ những nhận định trên, HĐXX có cơ sở khẳng định: Vào 00h 10 phút ngày 19/10/2016, tại phòng trọ số K03A/01 E, phường C, quận B, thành phố Đà Nẵng, Công an thành phố Đà Nẵng qua khám xét cơ quan điều tra đã phát hiện Đỗ Hữu Thiện V đang tàng trữ 1,160 gam ma túy tổng hợp có thành phần Methamphetamine. Quá trình điều tra, có căn cứ để xác định Đỗ Hữu Thiện V đã nhiều lần bán ma túy đá cho các đối tượng như Phạm Minh N, Lê Văn Q, Lê Anh D, Cù Vi T như kết luận điều tra và bản cáo trạng của các cơ quan tiến hành tố tụng quận B. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã xét xử bị cáo Đỗ Hữu Thiện V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Việc bị cáo kháng cáo kêu oan là không có cơ sở.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Hữu Thiện V thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần; đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo còn có nhân thân xấu, quá trình tố tụng khai báo quanh co, không thành khẩn, không ăn năn hối cải về hành vi và việc làm của mình. Vì vậy đối với bị cáo

cần phải xử phạt thỏa đáng, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thái độ khai báo của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là phù hợp. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Hữu Thiện V, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Đỗ Hữu Thiện V 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 19/10/2016.

2. Về án phí: Bị cáo Đỗ Hữu Thiện V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQCSĐT Công an quận Hải Châu;
- Toà án nhân dân quận Hải Châu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long

